

Bản án số: 02/2026/DS-ST
Ngày 28-01-2026
V/v Kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đình Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nhật Chiến;

Ông Nguyễn Xuân Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Kỳ Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 167/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2025 về “Kiện đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Doãn N, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 945, đường L, phường G, tỉnh Bắc Ninh, có mặt;

- Bị đơn: Ông Hà Hùng T, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 55, đường L, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng theo phía nguyên đơn: Chị Lương Thị Như Q, sinh năm 1996; địa chỉ: Số 945, đường L, phường G, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, các bản khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Doãn N trình bày:

Từ ngày 07/3/2023 đến ngày 14/9/2023 anh Trần Doãn N đến ở nhà ông Hà Hùng T để học sửa chữa điện thoại và trong quá trình học ông Hà Hùng T với anh Trần Doãn N có bàn bạc góp vốn kinh doanh điện thoại di động và anh Trần Doãn N đã chuyển cho ông Hà Hùng T số tiền 190.000.000 đồng để góp vốn hợp tác kinh doanh mua bán điện thoại trả góp. Nhưng sau đó ông Hà Hùng T không thực hiện thỏa thuận kinh doanh mà sử dụng số tiền trên vào việc cá

nhân. Từ ngày 14/9/2023 anh Trần Doãn N chuyển về thành phố G mở cửa hàng và nhiều lần đòi lại ông Hà Hùng T số tiền 190.000.000 đồng nhưng ông Hà Hùng T không trả.

Nay anh Trần Doãn N khởi kiện, yêu cầu ông Hà Hùng T thanh toán số tiền gốc là 190.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/11/2023 đến ngày 26/01/2026 là 42.685.000 đồng, tổng cộng số tiền là 232.685.000 đồng.

Về số tiền ăn và tiền học trong 6 tháng tại nhà ông Hà Hùng T, anh Trần Doãn N đã góp riêng không liên quan đến số tiền 190.000.000 đồng, ngoài ra ông Hà Hùng T có hứa hàng tháng trả anh Trần Doãn N 3.000.000 đồng tiền công sửa chữa điện thoại, còn tiền học anh Trần Doãn N đã chuyển khoản 30.000.000 đồng và đưa thêm 4.000.000 đồng tiền cho ông Hà Hùng T trước đó. Đối với ý kiến của ông Hà Hùng T trình bày đã chi 100.000.000 đồng là tiền ăn, ở, học phí anh Trần Doãn N không nhất trí. Trong đó ông Hà Hùng T trình bày chi số tiền 40.000.000 đồng để sửa chữa nhà ông Hà Hùng T khi chưa có sự đồng ý của anh Trần Doãn N, việc ông Hà Hùng T chi như vậy là chi sửa nhà cho ông Hà Hùng T chứ không phải chi hợp tác kinh doanh, còn số tiền 12.000.000 đồng chi phí sửa xe là do ông Hà Hùng T đi làm hỏng xe của anh Trần Doãn N nên ông Hà Hùng T phải tự bỏ tiền ra sửa chứ không thể trừ vào tiền anh Trần Doãn N được; tiền đi lại mỗi lần về quê ông Hà Hùng T đưa cho anh Trần Doãn N tổng là 5.000.000 đồng là tiền công sửa chữa điện thoại mà ông Hà Hùng T phải trả cho anh Trần Doãn N. Do đó, số tiền mà ông Hà Hùng T có ý kiến trừ đi 100.000.000 đồng trong số 190.000.000 đồng, anh Trần Doãn N không nhất trí. Anh Trần Doãn N vẫn giữ nguyên yêu cầu ông Hà Hùng T phải trả lại 190.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

** Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hà Hùng T trình bày:* Ông Hà Hùng T là cậu của chị Lương Thị Như Q, do anh Trần Doãn N lấy chị Lương Thị Như Q nên anh Trần Doãn N gọi ông Hà Hùng T là cậu xưng cháu. Đầu tháng 3 tháng 2023 vợ chồng anh Trần Doãn N đến gặp và trao đổi muốn học nghề sửa chữa điện thoại, ông Hà Hùng T đồng ý. Anh Trần Doãn N có nói với ông Hà Hùng T là tiền ăn, học nghề, tiền trợ cấp tính cho anh Trần Doãn N trong quá trình học. Ông Hà Hùng T có nói chi phí ăn ở, học nghề là hơn trăm triệu nên anh Trần Doãn N đã tự nguyện chuyển khoản cho ông Hà Hùng T số tiền 190.000.000 đồng, không có việc ông Hà Hùng T vay mượn tiền anh Trần Doãn N. Ban đầu anh Trần Doãn N nói muốn mở cửa hàng trên Lạng Sơn, sau đó lại đổi ý về G mở cửa hàng. Tiền học nghề, tiền ăn 06 tháng, tiền nhà trọ... tất cả những tiền trên anh Trần Doãn N chưa thanh toán cho ông Hà Hùng T, trước khi chuyển 190.000.000 đồng anh Trần Doãn N nói cháu cứ chuyển cho cậu. Bản thân ông Hà Hùng T không được vay mượn gì tiền của anh Trần Doãn N.

Ông Hà Hùng T thừa nhận có được nhận số tiền 190.000.000 đồng từ anh Trần Doãn N chuyển khoản là tiền anh Trần Doãn N góp để cùng nhau kinh doanh điện thoại nhưng sau đó anh Trần Doãn N không tiếp tục kinh doanh nữa. Về số tiền 190.000.000 đồng khi nhận được ông Hà Hùng T đã chi phí 40.000.000 đồng sửa cửa hàng của ông Hà Hùng T, tiền chi phí sửa xe, đi lại về

quê là 12.000.000 đồng của anh Trần Doãn N, tiền ăn là 36.000.000 đồng; tiền thuê nhà ở là 12.000.000 đồng. Tổng số tiền đã chi là: 100.000.000 đồng. Số tiền ông Hà Hùng T đã nhận thừa của anh Trần Doãn N là 90.000.000 đồng và ông Hà Hùng T nhất trí trả lại cho anh Trần Doãn N.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng theo phía nguyên đơn chị Lương Thị Như Q trình bày:* Chị Lương Thị Như Q nhất trí với toàn bộ ý kiến trình bày của chồng chị Lương Thị Như Q là anh Trần Doãn N và không có ý kiến bổ sung

Tại phiên Tòa:

Nguyên đơn anh Trần Doãn N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Hà Hùng T trả lại số tiền 190.000.000 đồng và tiền lãi suất tính từ ngày anh Trần Doãn N yêu cầu ông Hà Hùng T trả tiền nhưng chỉ hứa mà không trả tiền là từ ngày 01/11/2023 đến ngày 26/01/2026 lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự với số tiền lãi là 42.685.000 đồng, tổng cộng là 232.685.000 đồng. Ngoài ra anh Trần Doãn N nhất trí sẽ thanh toán cho ông Hà Hùng T 13.000.000 đồng tiền thuê nhà ở là 06 tháng 14 ngày và tiền ăn ở trong thời gian trên là 15.700.000 đồng, nhưng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn ông Hà Hùng T không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh Trần Doãn N đòi trả lại số tiền 190.000.000 đồng và lãi suất mà anh Trần Doãn N yêu cầu. Đối với số tiền chi phí sửa chữa hàng của ông Hà Hùng T là 40.000.000 đồng; tiền chi phí sửa xe ô tô và đi lại về quê của anh Trần Doãn N là 12.000.000 đồng, tiền anh Trần Doãn N đã ăn trong 06 tháng là 36.000.000 đồng; tiền anh Trần Doãn N thuê nhà ở 06 tháng là 12.000.000 đồng, ông Hà Hùng T đề nghị không giải quyết trong vụ án này mà sau này ông Hà Hùng T sẽ khởi kiện thành vụ án dân sự khác, vì hiện tại chưa cung cấp được các giấy tờ chứng cứ tại phiên tòa và anh Trần Doãn N cũng nhất trí nội dung trên.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ các Điều 166, 357, 468, 579 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Trần Doãn N:

- Buộc ông Hà Hùng T trả cho anh Trần Doãn N 190.000.000 đồng.
- Thanh toán tiền lãi do chậm trả (tính từ thời điểm nguyên đơn có yêu cầu trả tiền đến khi thanh toán xong).
- Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện đòi lại tài sản là tiền chuyển cho bị đơn mục đích để góp vốn kinh doanh nhưng các bên không lập văn bản ký kết nên không thuộc trường hợp hợp đồng hợp tác, quy định tại khoản 2 Điều 504 của Bộ luật Dân sự, bị đơn chỉ thừa nhận số tiền nguyên đơn đòi là tiền nguyên đơn chưa dùng đến nên chuyển cho bị đơn để tiêu dùng trước. Do đó, vụ án thuộc trường hợp kiện tài sản, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại phường Đ, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân khu vực 1 -Lạng Sơn giải quyết. Tại phiên tòa đều có mặt đầy đủ các đương sự và không ai yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng khác. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2] Quá trình giải quyết xác định được: Từ khoảng ngày 01/3/2023 đến ngày 14/9/2023 anh Trần Doãn N đến ở nhà ông Hà Hùng T để học sửa chữa điện thoại và trong quá trình học, ngày 07/3/2023 anh Trần Doãn N có chuyển cho ông Hà Hùng T 190.000.000 đồng với mục đích để cùng góp vốn kinh doanh điện thoại di động. Đến ngày 14/9/2023 anh Trần Doãn N chuyển về thành phố G mở cửa hàng và nhiều lần đòi lại ông Hà Hùng T số tiền 190.000.000 đồng nhưng ông Hà Hùng T không trả, ngày 31/10/2023 ông Hà Hùng T có nhắn tin cho anh Trần Doãn N là để thu xếp sẽ trả sau, do ông Hà Hùng T không trả lại tiền nên anh Trần Doãn N đã khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết.

[3] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Doãn N nhận thấy, các tài liệu nguyên đơn cung cấp chứng minh anh Trần Doãn N đã chuyển tiền 190.000.000 đồng cho ông Hà Hùng T qua số tài khoản 2508205325509 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chuyển tiền đến số tài khoản 809928888 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng của ông Hà Hùng T vào ngày 07/3/2023. Khi nhận được tiền ông Hà Hùng T đã sử dụng vào việc riêng, sau đó đến tháng 9/2023 anh Trần Doãn N chuyển về G sinh sống và mở cửa hàng sửa chữa điện thoại và có đòi ông Hà Hùng T trả lại cho anh Trần Doãn N 190.000.000 đồng, nhưng ông Hà Hùng T không trả lại. Do đó, yêu cầu khởi kiện đòi lại số tiền 190.000.000 đồng của anh Trần Doãn N là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa ông Hà Hùng T thừa nhận có việc anh Trần Doãn N đã chuyển cho 190.000.000 đồng để tiêu dùng, do số tiền này anh Trần Doãn N chưa dùng đến, nên buộc ông Hà Hùng T trả lại cho số tiền trên cho anh Trần Doãn N là có căn cứ.

[5] Đối với số tiền 40.000.000 đồng ông Hà Hùng T cho rằng đã bỏ ra sửa nhà và tiền chi sửa xe ô tô và đi lại về quê của anh Trần Doãn N là 12.000.000 đồng, tiền anh Trần Doãn N ăn trong 06 tháng là 36.000.000 đồng;

tiền anh Trần Doãn N thuê nhà ở 06 tháng là 12.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết ông Hà Hùng T đề nghị trừ vào số tiền 190.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa ông Hà Hùng T và anh Trần Doãn N đều thống nhất số tiền ông Hà Hùng T đã chi nêu trên sẽ giải quyết thành một vụ án dân sự khác, khi ông Hà Hùng T yêu cầu do hiện tại ông Hà Hùng T chưa chuẩn bị được các giấy tờ, tài liệu để chứng minh. Do đó, các đương sự có quyền khởi kiện nội dung trên thành vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[6] Về số tiền lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán, nhận thấy căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự quy định, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả và nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Do sau nhiều lần anh Trần Doãn N yêu cầu đòi ông Hà Hùng T trả lại tiền, đến ngày 31/10/2023 ông Hà Hùng T có nhắn tin qua mạng zalo hứa sẽ trả nhưng không trả. Do đó, yêu cầu của anh Trần Doãn N về tính lãi suất từ ngày 01/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự là có căn cứ. Ý kiến của ông Hà Hùng T cho rằng không phải ông Hà Hùng T vay tiền anh Trần Doãn N mà là tiền anh Trần Doãn N chuyển cho để tiêu dùng, nên không nhất trí trả lãi suất đối với số tiền chậm thực hiện trả tiền 190.000.000 đồng là không có căn cứ.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn ông Hà Hùng T phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với 5% số tiền 232.685.000 đồng là 11.634.000 đồng, theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 147; 227; 228; 229; 235; 264; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 163; 166; 357; 468; 504; 510; 512; 579 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Doãn N khởi kiện đòi lại tài sản đối với ông Hà Hùng T, cụ thể:

Buộc ông Hà Hùng T phải trả số tiền gốc cho anh Trần Doãn N là 190.000.000 đồng và tiền lãi là 42.685.000 đồng, tổng cộng là 232.685.000 đồng (Hai trăm ba mươi hai triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nêu ông Hà Hùng T không thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bị đơn ông Hà Hùng T phải chịu 11.634.000 đồng (Mười một triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho anh Trần Doãn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.200.000 đồng (Năm triệu hai trăm nghìn đồng) mà anh Trần Doãn N đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001105 ngày 25/11/2025.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn;
- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Lương Đình Phương